TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1059/2026/DS-PT
Ngày: 26-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trung Dũng

***Các Thẩm phán*:**Ông Đào Minh Đa

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2 xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2026/TLPT-DS ngày 15/01/2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2666/2026/QĐ-PT ngày 21/4/2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 6629/2026/QĐ-PT ngày 08/5/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Minh H, sinh năm 1966; địa chỉ: số K, khu phố H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đức A, sinh năm 1997; địa chỉ: tổ C, khu phố E, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường V, Thành phố Hồ Chí Minh); là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 19/9/2024).

- *Bị đơn:* Bà Trần Kim H1, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ D, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1983; địa chỉ: số C đường D, khu phố G, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí

Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 01/11/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Huỳnh S, sinh năm 1981; địa chỉ: số K, khu phố H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Trần Kim H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Đức A trình bày: nguyên đơn thống nhất với Kết luận giám định số 338/KL-KTHS ngày 26/6/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh; không yêu cầu giám định lại hay giám định bổ sung gì khác.

Do quen biết nên ngày 20/7/2023, ông H cho bà Trần Kim H1 vay số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng); việc cho vay tiền có lập thành văn bản Giấy mượn tiền cùng ngày 20/7/2023; thời hạn cho vay là 12 tháng (kể từ ngày 20/7/2023); lãi suất 01%/tháng; Giấy mượn tiền do bà H1 viết sẵn, trong đó phần thông tin của ông H *"Nguyễn Minh H3, địa chỉ: D, Nguyễn Tri P, p Chánh Nghĩa, TDM – BD; phần lãi suất 1% (một phần trăm)"* là do ông H3 trực tiếp viết sau này (cụ thể ngày nào thì ông H3 không nhớ). Giấy mượn tiền được lập thành 01 bản và do ông H3 trực tiếp giữ, bà H1 không giữ bản nào. Sở dĩ, thông tin của ông H3 do ông H3 trực tiếp viết là do: Giấy mượn tiền được bà H1 viết trước khi tới nhà ông H3 vay tiền nên bà không biết thông tin cụ thể của ông H3 nên chừa lại, khi đến nhà ông H3 nhận tiền vay thì bà lại quên không ghi thông tin của ông H3, sau đó ông H3 có gọi điện thoại nhiều lần cho bà H1 yêu cầu bà H1 đến ghi bổ sung thông tin của ông H3 nêu trên nhưng bà từ chối, do đó buộc lòng ông H3 phải điền thông tin của ông H3 vào Giấy mượn tiền ngày 20/7/2023 mà ông H3 đã nộp cho Toà án làm căn cứ yêu cầu khởi kiện. Việc giao nhận số tiền cho vay 1.400.000.000 đồng bằng hình thức tiền mặt, giao 01 lần tại nhà riêng của ông H3 và có vợ ông H3 là bà Võ Huỳnh S chứng kiến, ngoài ra không có người chứng kiến nào khác. Cho đến nay, bà H1 mới trả cho ông H3 08 lần tiền lãi với tổng số tiền 134.500.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản (chuyển khoản trả lãi lần cuối cùng vào ngày 06/8/2024) ngoài ra bà H1 chưa trả cho ông H3 thêm bất kỳ khoản tiền nào, bao gồm cả gốc và lãi. Do đó, ông H3 đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết. Việc bà H1 có vay tiền của bà Võ Huỳnh S (vợ ông H3) hay không và vay như thế nào thì ông H3 không rõ.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

1. Buộc bà Trần Kim H1 có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Minh H tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng);

2. Buộc bà Trần Kim H1 có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Minh H tiền lãi kể từ ngày 20/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2025) là: 1.400.000.000 đồng x 01%/tháng x 25 tháng 27 ngày = 362.600.000 đồng - 134.500.000 đồng (bà H1 đã chuyển khoản trả) = 228.100.000 đồng.

Tổng số tiền bà Trần Kim H1 có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Minh H là 1.628.100.000 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu một trăm nghìn đồng).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Hữu H2 trình bày:

Bị đơn thống nhất với Kết luận giám định số 338/KL-KTHS ngày 26/6/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh; không yêu cầu giám định lại hay giám định bổ sung gì khác.

Ông Đặng Minh H là chồng của bà Võ Huỳnh S. Bà H1 quen biết bà S đã lâu. Khoảng giữa tháng 6/2021, lúc đó dịch bệnh và phong tỏa dịch Covid-19 nên bà H1 làm ăn gặp khó khăn, vì kẹt tiền nên bà H1 có hỏi mượn bà S số tiền là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu đồng). Lúc đó, bà S có nói với bà H1 bà không có đủ tiền, nếu bà H1 muốn mượn thì bà đi mượn của người khác để cho bà H1 mượn lại và bà H1 đồng ý. Ngày 20/7/2021, bà H1 đến nhà bà S thì bà nói chỉ gom được 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) nên bà H1 đã viết Giấy mượn tiền là 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng); Giấy mượn tiền được lập thành 02 bản chính và mỗi bên giữ 01 bản; riêng bản chính bà H1 giữ hiện đã bị thất lạc.

Nội dung giấy mượn tiền do bà H1 viết, riêng chỗ người cho mượn trong Giấy mượn tiền thì bà S nói để trống vì tiền này bà đã đi mượn của nhiều người mới đủ tiền cho bà H1 mượn (cụ thể là bà L, chị M, bà T, ông H, chị X, chị T1). Bà không nói đã mượn từng người bao nhiêu, chỉ nói khi nào bà thông báo tiền lãi hoặc gốc từng người thì bà H1 chuyển trả. Việc bà S có mượn của bà L, chị M, bà T và chị X, ông H, chị T1 hay không thì bà H1 không rõ và hoàn toàn không có quen biết hay vay mượn gì của những người này. Riêng ông H là chồng bà S nên bà H1 biết.

Về lãi suất thì bà S nói sẽ lấy của bà H1 02%/tháng, tương đương 28 triệu/tháng, tiền lãi không giảm trong suốt quá trình vay, có tiền gốc bao nhiêu thì cứ chuyển trả dần, nếu chậm tiền lãi thì sẽ phạt theo lãi ngày. Do cần tiền nên bà H1 đã chấp nhận. Bà Huyện khẳng định Giấy mượn tiền mà ông H làm căn cứ khởi kiện là ghi giấy nợ vào tháng 7/2021 cho bà S, không phải giấy ghi nợ cho ông H vì bà H1 hoàn toàn không có vay mượn tiền từ ông H. Mặt khác, Giấy mượn tiền lập ngày 20/7/2021, không phải lập ngày 20/7/2023.

Khoảng 01 tháng sau, bà S có nói với bà H1 là bà T cần tiền, nên bà H1 phải trả cho bà để bà trả cho bà T 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, vì bà H1 cũng kẹt tiền, nên đến ngày 09/10/2021, bà H1 mới chuyển trả cho bà S 114.000.000 đồng, trong đó 100.000.000 đồng trả cho bà T và 14.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó, bà H1 có tìm giấy nợ để yêu cầu bà S viết lại số tiền nhưng bản chính bà H1 giữ đã mất. Bà Huyện cũng thấy không cần thiết vì mọi việc chuyển trả đều bằng hình thức chuyển khoản.

Việc trả lãi và gốc cứ diễn ra bình thường, khi tới hạn trả lãi thì bà S nhắn tin thông báo hoặc gọi điện cho bà H1. Đến tháng 8/2023, bà S nói bà H1 chuyển trả tiền qua số tài khoản của ông H (chồng bà S), bà H1 đã chuyển tiền trực tiếp vào số tài khoản của ông H tất cả 08 lần với tổng số tiền 134.500.000 đồng (gồm tiền lãi 2%/tháng và tiền gốc) và trong thời gian này bà H1 cũng chuyển khoản trả cho bà S 06 lần với số tiền 77.200.000 đồng (gồm tiền lãi 2%/tháng và tiền gốc).

Đến tháng 8/2024, bà H1 nhận thấy đã trả tương đối nhiều cho bà S về tiền lãi và gốc, đồng thời bà H1 cũng phải trả nợ cho nhiều người nên tài chính không có khả năng. Bà Huyện có gọi điện cho bà S để tính toán xem việc trả nợ gốc và lãi của số tiền 1.400.000.000 đồng như thế nào, nhằm chốt nợ. Lúc đó, bà H1 nhầm tính là đã trả đủ lãi và gốc. Bà S có đồng ý gặp bà H1 nhưng do bà H1 chưa sao tài khoản kê ngân hàng được số tiền đã chuyển trả nên chưa tính toán được.

Việc ông H lấy giấy nợ cũ của bà S và ghi tên mình vào và thêm thông tin năm mượn là 2023 để đi khởi kiện bà H1 đòi tiếp 1.4000.000.000 đồng là không đúng. Vì vậy, bà H1 không chấp nhận trả số tiền này cho ông H.

Theo sao kê toàn bộ giao dịch, bà H1 đã chuyển trả theo tin nhắn và yêu cầu của bà S số tiền gốc và lãi từ tháng 10/2021 đến tháng 08/2024 với tổng số tiền là 2.138.580.000 đồng (hai tỷ một trăm ba mươi tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng). Số tiền lãi mà bà H1 phải trả từ tháng 8/2021 đến tháng 8/2024 là 36 tháng x 02%/tháng = 1.008.000.000 đồng (một tỷ không trăm lẻ tám triệu đồng). Tổng số tiền gốc bà H1 đã trả được là: 2.138.580.000đ (tổng) – 1.008.000.000đ (tiền lãi) = 1.146.580.000 đồng (một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Như vậy, tiền gốc bà H1 còn nợ bà S là 1.400.000.000đ (theo giấy nợ) - 1.146.580.000đ (đã chuyển trả) = 253.420.000 đồng (hai trăm năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Do đó, bà H1 chỉ đồng ý trả số tiền còn lại là 253.420.000 đồng cho bà S.

Bị đơn xác định hoàn toàn không có vay tiền của nguyên đơn ông Đặng Minh H. Do đó, bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, đề nghị Toà án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Huỳnh S trình bày: bà S là vợ nguyên đơn (ông Đặng Minh H). Bà S được biết bà H1 liên hệ với ông H để hỏi vay số tiền 1.400.000.000 đồng. Đến ngày 20/7/2023, sau khi bàn bạc ông H cho bà H1 vay số tiền 1.400.000.000 đồng với lãi suất 1%/tháng và cùng nhau viết giấy mượn tiền để làm cơ sở cho việc vay tiền này.

Trước đây bà S và bà Trần Kim H1 có quen biết và bà H1 hay vay tiền của bà S để làm ăn, việc vay tiền thường thông qua gọi điện, tin nhắn..., thời gian vay có khi vài ngày đến vài tháng..., vay rồi trả, trả rồi vài ngày sau lại vay nên tổng số tiền bà H1 vay của bà S đến nay bà S không thống kê được. Việc cho vay và trả nợ giữa bà S và bà H1 đôi khi bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà S, đôi khi bằng tiền mặt trực tiếp cho bà S. Hiện nay bà H1 không còn nợ bà

S. Đối với số tiền 2.138.580.000 đồng mà bà H1 chuyển khoản cho bà S trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 8/2024 là số tiền bà H1 nợ riêng bà S, không liên quan gì đến số tiền mà ông Đặng Minh H khởi kiện bà H1.

Việc ngày 20/7/2023, ông H cho bà H1 vay số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) thì bà H1 thanh toán tiền theo tài khoản của ông H hoặc thanh toán trực tiếp với ông H không liên quan đến bà S (bà H1 vay của ai thì thanh toán cho người đó). Số tiền ông H cho vay nêu trên là khoản tiền riêng của ông H, việc vay tiền nêu trên phát sinh giữa ông H và bà H1, bà S hoàn toàn không có liên quan gì đối với hợp đồng cho vay giữa ông H và bà H1. Nay ông H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả lại số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi theo thỏa thuận thì bà S hoàn toàn đồng ý; bà S thống nhất với toàn bộ ý kiến trình bày của nguyên đơn đối với vụ án; đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228 của .

- Các Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của ;

- Điều 26 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Minh H đối với bị đơn bà Trần Kim H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Kim H1 có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Minh H số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) + tiền lãi 228.100.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu một trăm nghìn đồng); tổng cộng là 1.628.100.000 đồng (Một tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 06/10/2025 bị đơn bà Trần Kim H1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đặng Minh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ

nguyên bản án dân sự sơ thẩm; yêu cầu bà Trần Kim H1 thanh toán số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Kim H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện bị đơn cho rằng việc giao dịch tiền thực tế phát sinh giữa bà H1 với bà Võ Huỳnh S; bà S là người trực tiếp giao nhận tiền, điều hành việc thu lãi và yêu cầu bị đơn chuyển tiền nên việc bà S vắng mặt tại phiên tòa làm ảnh hưởng đến việc làm rõ bản chất vụ án. Theo bị đơn, Giấy mượn tiền đề ngày 20/7/2023 do bà H1 viết nhưng phần thông tin về người cho mượn, lãi suất do ông H tự ghi thêm sau này; bà H1 không vay tiền của ông H mà vay của bà S từ năm 2021. Bị đơn cho rằng đã nhiều lần chuyển tiền cho bà S và chuyển vào tài khoản của ông H theo yêu cầu của bà S để thanh toán tiền gốc và lãi; tổng số tiền đã thanh toán là rất lớn, hiện không còn nghĩa vụ thanh toán số tiền mà nguyên đơn khởi kiện. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các nội dung thể hiện trong vi bằng, tin nhắn giữa bà H1 và bà S để đánh giá đúng bản chất giao dịch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án;

Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, xét thấy bị đơn thừa nhận chữ viết, chữ ký và dấu vân tay tại Giấy mượn tiền; kết luận giám định cũng phù hợp với lời thừa nhận của các bên. Bị đơn cho rằng không vay tiền của ông Đặng Minh H mà vay của bà Võ Huỳnh S, đồng thời cho rằng giấy vay được lập từ năm 2021 hoặc là giấy chốt nợ giữa bà H1 với bà S. Tuy nhiên các lời trình bày này không thống nhất, không được chứng minh bằng tài liệu, chứng cứ có giá trị pháp lý. Việc bị đơn nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của ông H sau thời điểm lập Giấy mượn tiền không làm thay đổi bản chất quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó, có đủ căn cứ xác định bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 1.400.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 20/7/2023 nhưng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán.

Từ những phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Kim H1; giữ quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2025 bị đơn bà Trần Kim H1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, việc kháng cáo vẫn trong thời hạn quy định, đơn kháng cáo có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để thụ lý, xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Huỳnh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Bị đơn kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho rằng bà không vay tiền của ông Đặng Minh H mà chỉ giao dịch vay mượn với bà Võ Huỳnh S. Giấy mượn tiền ngày 20/7/2023 thực chất là giấy chốt nợ giữa bà H1 và bà S, phần thông tin về người cho mượn, lãi suất do ông H tự ý ghi thêm sau này. Đồng thời, bà H1 cho rằng bà S cố tình vắng mặt để né tránh việc đối chất.

Xét thấy, bị đơn thừa nhận chữ viết, chữ ký và dấu vân tay tại phần người mượn trong Giấy mượn tiền đề ngày 20/7/2023 là của bị đơn. Nguyên đơn cũng thừa nhận phần ghi bổ sung thông tin người cho mượn, địa chỉ và lãi suất là do nguyên đơn trực tiếp viết. Nội dung này phù hợp với Kết luận giám định số 338/KL-KTHS ngày 26/6/2025 của Phân viện Khoa học hình sự. Do đó, có đủ cơ sở xác định bị đơn đã tự nguyện lập và ký vào Giấy mượn tiền với số tiền ghi nhận là 1.400.000.000 đồng và thời hạn vay 12 tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thay đổi nhiều lần về bản chất giao dịch. Ban đầu cho rằng giấy vay được lập từ năm 2021; sau đó xác định giấy được lập ngày 20/7/2023 nhưng để trống tên người cho vay để bà S tự điền; tiếp tục cho rằng đây là giấy chốt nợ 400.000.000 đồng nhưng do nhầm lẫn nên ghi thành 1.400.000.000 đồng; đồng thời lại trình bày bản giấy đúng do bà S giữ và giấy này là "giấy bỏ". Các lời trình bày này mâu thuẫn với nhau, không có tài liệu, chứng cứ khách quan chứng minh nên không đủ căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với lập luận cho rằng bà S là người trực tiếp giao dịch, cần phải có mặt để đối chất, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Huỳnh S đã có bản tự khai, lời trình bày rõ ràng về nội dung vụ việc; xác định số tiền bà H1 chuyển cho bà S là quan hệ vay mượn riêng giữa hai người, hiện đã thanh toán xong, không liên quan đến khoản tiền ông H khởi kiện; đồng thời bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Việc xét xử vắng mặt bà S được thực hiện đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc vắng mặt của bà S làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án hoặc làm thay đổi bản chất quan hệ tranh chấp. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận ý kiến cho rằng phải hoãn phiên tòa để đối chất với bà S.

Bị đơn còn cho rằng các khoản tiền chuyển vào tài khoản ông H thực chất là tiền trả nợ cho bà S. Tuy nhiên, chính bị đơn xác nhận từ tháng 8/2023, theo yêu cầu của bà S đã chuyển tiền trực tiếp cho ông H; đồng thời thừa nhận sau ngày 20/7/2023 đã chuyển vào tài khoản ông H tổng cộng 134.500.000 đồng. Trong khi đó, các lần chuyển tiền này đều phát sinh sau thời điểm lập Giấy mượn tiền ngày 20/7/2023. Nguyên đơn xác định đây là khoản tiền lãi bị đơn thanh toán theo

quan hệ vay giữa hai bên. Bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh các khoản tiền trên là thanh toán cho khoản nợ khác. Các tin nhắn Zalo, vi bằng do bị đơn cung cấp cũng không thể hiện nội dung xác nhận số tiền 1.400.000.000 đồng là khoản vay riêng giữa bà H1 và bà S hoặc thể hiện việc ông H tự ý chiếm dụng giấy vay để khởi kiện.

Bị đơn cho rằng không vay tiền của ông H nhưng vẫn thừa nhận sau ngày lập Giấy mượn tiền đã nhiều lần chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản của ông H, Đồng thời, bị đơn giải thích việc chuyển tiền này là do bà S nói bà đã lấy tiền của ông H cho bà H1 vay nên phải trả lãi cho ông H. Như vậy, bà H1 cho rằng không có quan hệ vay mượn với ông H là không phù hợp.

[3] Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định bị đơn bà Trần Kim H1 đã vay của nguyên đơn ông Đặng Minh H số tiền 1.400.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 20/7/2023, thời hạn vay 12 tháng. Đến hạn, bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Do đó, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận; cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Kim H1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Kim H1 phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0024660 ngày 09/10/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- TAND khu vực 17 - TPHCM;
- Phòng THADS khu vực 17 - TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự .(14).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

2025DSPT46093 1 000139 248211 22.04.2026 16:22
Đặng Minh Hiếu

Nguyễn Trung Dũng